**DANH SÁCH CÁC LUẬN VĂN THẠC SĨ**

**Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế**

1. **KHÓA I (2014 - 2016)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề tài luận văn** | **Tác giả** | **Mã thư viện** | **Tra cứu mở rộng** | **Ghi chú** |
| 1 | Hoạt động thanh toán quốc tế bằng phương thức tín dụng chứng từ tại ngân hàng thương mại: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam | **Ngô Thị Xuân Linh** |  | Thanh toán quốc tế/ tín dụng chứng từ/ ngân hàng TM/ VN |  |
| 2 | Tác động của đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc đối với nền kinh tế Việt Nam | **Lê Thị Hiếu** |  | Đầu tư trực tiếp/ HQ/ VN |  |
| 3 | Tác động của đầu tư trực tiếp của Nhật Bản đối với nền kinh tế Việt Nam | **Phạm Thị Thu Hiệp** |  | Đầu tư trực tiếp/ NB/ VN |  |
| 4 | Đầu tư FDI vào thị trường bán lẻ Việt Nam giai đoạn 2010 - 2015 | **Trần Thùy Nhung** | **LV(CH) 924** | FDI/ thị trường bán lẻ/ VN/ 2010-2015 |  |
| 5 | Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Thái Nguyên: thực trạng và giải pháp | **Đỗ Thị Thu Trang** |  | ODA/ Thái Nguyên |  |
| 6 | Viện trợ phát triển chính thức (ODA) của Nhật Bản đối với Việt Nam giai đoạn từ năm 2000 đến nay | **Hồ Hương Giang** |  | ODA/ NB/ VN/ từ 2000 đến nay |  |
| 7 | Viện trợ phát triển chính thức (ODA) của Australia cho Việt Nam - Thực trạng và triển vọng | **Chu Văn Thịnh** |  | ODA/ Australia/ VN |  |
| 8 | Phân tích chính sách tiền tệ của Cục dự trữ liên bang Mỹ và tác động đối với nền kinh tế thế giới | **Chu Thị Phương** |  | Chính sách tiền tệ/ Cục dự trữ liên bang Mỹ |  |
| 9 | Tác động của khủng hoảng nợ công đến thể chế kinh tế của Liên minh châu Âu từ năm 2008 đến nay | **Nguyễn Thị Hương** |  | Khủng hoảng nợ công/ thể chế KT/ EU/ từ 2008 đến nay |  |
| 10 | Khủng hoảng nợ công châu Âu và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam | **Trần Thị Lan** |  | Khủng hoảng nợ công/ EU/ VN |  |
| 11 | Khủng hoảng giá dầu giảm 2014 - 2015 và tác động của nó | **Đỗ Mạnh Quân** |  | Khủng hoảng giá dầu giảm/ 2014-2015 |  |
| 12 | Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản: Thực trạng và triển vọng | **Lý Sơn Tùng** |  | Quan hệ KT/ VN - NB |  |
| 13 | Rủi ro trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam và các biện pháp phòng ngừa | **Nghiêm Xuân Hải Đăng** |  | VN/ rủi ro kinh doanh/ XNK |  |

1. **KHÓA II (2015 - 2017)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề tài luận văn** | **Tác giả** | **Mã thư viện** | **Tra cứu mở rộng** | **Ghi chú** |
| 1 | Quy tắc xuất xứ trong quan hệ thương mại Việt-Mỹ | **Nguyễn Thị Nguyệt Anh** |  | QH Thương mại VN-Mỹ |  |
| 2 | Quan hệ thương mại Canada-Mỹ từ đầu thế kỷ XXI đến nay | **Nguyễn Minh Châu** |  | QH Thương mại Canada-Mỹ/TK XXI -nay |  |
| 3 | Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và châu Phi: Thực trạng và triển vọng | **Đặng Quốc Dũng** |  | QH Thương mại VN-Châu Phi |  |
| 4 | Quan hệ thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ giai đoạn 1995-2016 | **Trần Hoàng Việt** |  | QH Thương mại VN-Hoa kỳ/1995-2016 |  |
| 5 | Quan hệ thương mại Việt Nam – Liên bang Nga giai đoạn 2006-2016 | **Lê Ngọc Toàn** |  | QH Thương mại VN-Nga/2006-2016 |  |
| 6 | Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đà Nẵng từ năm 2006 - 2016 | **Lê Thị Thu Trang** |  | FDI/Đà Nẵng/2006-2016 |  |
| 7 | FDI của Singapore vào Việt Nam giai đoạn 2006-2016: Thực trạng và triển vọng | **Lương Ngọc Tú** |  | FDI Singapore-VN/2006-2016 |  |
| 8 | Khủng hoảng nợ công Hy Lạp và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam | **Phạm Hương Ly** |  | Nợ công Hy Lạp |  |
| 9 | Nợ nước ngoài của Việt Nam – Thực trạng và giải pháp | **Trần Thu Hoài** |  | Nợ nước ngoài của VN |  |
| 10 | Tác động của tranh chấp biển đảo tới quan hệ kinh tế Trung Quốc – Nhật Bản và bài học cho Việt Nam | **Hà Thủy Tiên** |  | QHKT TQ-NB/tranh chấp biển đảo |  |
| 11 | Quan hệ kinh tế Việt Nam – Singapore từ năm 2001 đến 2016 | **Lê Thùy Trang** |  | QHKT VN-Singapore/2001-2016 |  |
| 12 | Việt Nam gia nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC): Triển vọng và thách thức | **Hồ Tuấn Anh** |  | Cộng đồng KT (AEC)/triển vọng thách thức |  |
| 13 | Cơ hội và thách thức của ngành ngân hàng Việt Nam khi gia nhập TPP | **Trần Mai Anh** |  | Ngân hàng VN/TPP/Cơ hội, thách thức |  |
| 14 | Cơ hội đối với Việt Nam trong quá trình tham gia các FTA thế hệ mới | **Đào Thị Thu Hà** |  | VN/FTA/cơ hội |  |
| 15 | Tác động của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đối với ngành nông nghiệp Việt Nam | **Ngô Thị Thanh Hảo** |  | TPP/nông nghiệp VN |  |
| 16 | Tác động của Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu đến nền kinh tế Việt Nam | **Nguyễn Trọng Nhân** |  | VN-EU/WTO |  |
| 17 | Cơ hội và thách thức đối với ngành dệt may Việt Nam khi tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương | **Nguyễn Bá Thi** |  | Dệt may VN/TPP/Cơ hội thách thức |  |
| 18 | Tác động của Cộng đồng kinh tế ASEAN đến lĩnh vực Ngân hàng Việt Nam | **Nguyễn Huyền Trang** |  | Cộng đồng KT ASEAN/Ngân hàng VN |  |
| 19 | Ngành sữa Việt Nam khi gia nhập TPP: Thực trạng và giải pháp | **Ngô Thị Yến** |  | Ngành sữa VN/TPP |  |
| 20 | Xây dựng văn hóa doanh nghiệp cho các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động kinh doanh ở nước ngoài | **Lê Minh Hậu** |  | Văn hóa doanh nghiệp VN |  |
| 21 | Phát triển công nghiệp hỗ trợ: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam | **Phạm Duy Quang** |  | PT Công nghiệp hỗ trợ/bài học VN |  |
| 22 | Chuỗi cung ứng lạnh tại Ấn Độ và bài học cho Việt Nam | **Nguyễn Hà Tâm** |  | Chuỗi cung ứng/Ấn Độ |  |

1. **KHÓA III (2016 - 2018)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề tài luận văn** | **Tác giả** | **Mã thư viện** | **Tra cứu mở rộng** | **Ghi chú** |
| 1 | Tình hình đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Việt Nam từ năm 1991 đến năm 2016 | **Nguyễn Thị Huyền Trang** |  | FDI Trung Quốc – VN/1991-2016 |  |
| 2 | Đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam | **Vũ Tuấn Hưng** |  | Đầu tư nước ngoài/giáo dục VN |  |
| 3 | Ảnh hưởng của ODA Nhật Bản tới nền kinh tế các nước Đông Nam Á – Trường hợp Việt Nam | **Tạ Trung Anh** |  | ODA Nhật Bản/kinh tế ĐNA |  |
| 4 | Phân tích hiệu quả sử dụng nguồn vốn ODA Nhật Bản đối với việc tăng cường nguồn lực cho lực lượng cảnh sát phòng cháy chữa cháy Việt Nam | **Chu Anh Tú** |  | ODA Nhật Bản/tăng cường nguồn lực/PCCC |  |
| 5 | Quan hệ kinh tế giữa Việt Nam – Thái Lan từ 2007 đến 2017: thực trạng và triển vọng | **Nguyễn Mạnh Tuấn** |  | VN-TL/2007-2017 |  |
| 6 | Quan hệ kinh tế Việt Nam – Hoa kỳ từ 2000 đến 2017 và triển vọng đến 2020 | **Phạm Duy Tùng** |  | VN-HK/2000-2017/triển vọng 2020 |  |
| 7 | Cam kết về môi trường trong Hiệp định Thương mại Tự do Thế hệ mới EVFTA đối với ngành thủy sản Việt Nam | **Phạm Thu Phương** |  | EVFTA/ngành thủy sản |  |
| 8 | Liên kết kinh tế ASEAN – Nhật Bản: Thực trạng và triển vọng | **Phan Hoài Thu** |  | Kinh tế ASEAN-NB |  |
| 9 | Tác động của liên kết kinh tế ASEAN đối với Việt Nam | **Nguyễn Đồng Trung** |  | Liên kết KT ASEAN-VN |  |
| 10 | Hoạt động bán lẻ của ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong quá trình hội nhập | **Dương Minh Đức** |  | Bán lẻ/Ngân hàng TMCP Kỹ thương/Hội nhập |  |
| 11 | Chính sách Bảo hiểm tiền gửi tại Nhật Bản và kinh nghiệm đối với Việt Nam | **Lê Thị Hồng Hạnh** |  | Bảo hiểm tiền gửi tại NB |  |
| 12 | Quản lý kinh tế biển của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập | **Nguyễn Đăng Hiếu** |  | Kinh tế biển/VN |  |
| 13 | Hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam trong quá trình hội nhập: cơ hội và thách thức | **Phan Huy Hùng** |  | HĐ Tín dụng/ngân hàng TMCP NT Việt Nam |  |
| 14 | Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành Ngân hàng Việt Nam trong quá trình hội nhập | **Lê Thị Thu Phương** |  | Chất lượng nguồn nhân lực/Ngân hàng VN/ |  |
| 15 | Trừng phạt kinh tế của phương Tây đối với Nga và tác động đến kinh tế Việt Nam | **Lê Doãn Hồng Quân** |  | Kinh tế p. Tây/Nga |  |

1. **KHÓA IV (2017 - 2019)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề tài luận văn** | **Tác giả** | **Mã thư viện** | **Tra cứu mở rộng** | **Ghi chú** |
| 1 | Tác động từ đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc đối với Việt Nam | **Phùng Văn Duyệt** | **LV(CH) 931** | FDI TQ-VN |  |
| 2 | Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Phú Thọ từ năm 2016 đến năm 2018: thực trạng và giải pháp | **Nguyễn Trung Hiếu** |  | FDI/Phú Thọ |  |
| 3 | Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Việt Nam: thực trạng và những vấn đề đáng chú ý trong giai đoạn 2015 - 2017 | **Nguyễn Trọng Thanh Hải** |  | FDI/2015-2017 |  |
| 4 | Nguồn nhân lực Việt Nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế | **Đỗ Thanh Dũng** | **LV(CH) 922** | VN/HNKTQT |  |
| 5 | Quan hệ kinh tế Việt Nam – Trung Quốc từ sau khi bình thường hóa quan hệ năm 1991 | **Ngô Văn Hoàng** | **LV(CH) 927** | VN-TQ/Bình thường hóa quan hệ/1991 |  |
| 6 | Quan hệ thương mại Việt Nam – Nhật Bản sau khi ký Hiệp định đối tác Kinh tế Việt Nam – Nhật Bản | **Lê Huy Ngọc Nhân** | **LV(CH) 923** | VN-NB/Hiệp định đối tác Kinh tế |  |
| 7 | Đóng góp của chính sách bảo hiểm tiền gửi đối với hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam | **Nguyễn Thị Huyền Trang** | **LV(CH) 932** | Bảo hiểm tiền gửi/HNKTQT/VN |  |
| 8 | Xây dựng Đặc khu Kinh tế: kinh nghiệm của một số nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam | **Phạm Thị Hân** | **LV(CH) 928** | Đặc khu kinh tế |  |
| 9 | Giải pháp vượt rào cản chống bán phá giá hàng nông sản Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ | **Dương Văn Mạnh** | **LV(CH) 935** | Xuất khẩu/Hoa Kỳ |  |
| 10 | Kinh nghiệm quốc tế về hoạt động bảo hiểm tín dụng xuất khẩu đối với các mặt hàng thủy sản và đề xuất cho Việt Nam | **Nguyễn Thị Hồng Vân** | **LV(CH) 926** | BHTD/XNK/Thủy sản/VN |  |
| 11 | Hàng rào kỹ thuật trong quan hệ thương mại Mỹ - Việt Nam | **Phạm Thu Trang** | **LV(CH) 936** | QHTM/Mỹ - Việt Nam |  |
| 12 | Xây dựng thương hiệu nông sản xuất khẩu của Việt Nam trong quá trình hội nhập  kinh tế quốc tế: thực trạng và triển vọng | **Đào Như Ngọc** |  | Thương hiệu nông sản VN/thực trạng và triển vọng |  |
| 13 | Tác động của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đối với kinh tế Việt Nam | **Nguyễn Việt Anh** | **LV(CH)934** | VN/FTA/tác động |  |
| 14 | Triển vọng NAFTA và tác động đến quan hệ kinh tế khu vực | **Nguyễn Minh Quang** |  | NAFTA/Kinh tế khu vực |  |
| 15 | Tái cơ cấu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại nhà nước Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế | **Nguyễn Hải Anh** | **LV(CH) 933** | Tái cơ cấu/HNKTQT |  |
| 16 | Xử lý đổ vỡ ngân hàng – kinh nghiệm của Mỹ và bài học cho Việt Nam | **Triệu Hồng Hạnh** | **LV(CH) 925** | Đổ vỡ ngân hàng/VN |  |
| 17 | Chi trả tiền gửi được bảo hiểm: kinh nghiệm quốc tế và bài học đối với Việt Nam | **Triệu Lan Hương** | **LV(CH) 930** | Bảo hiểm/VN |  |
| 18 | Giải pháp cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ tại ngân hàng thương mại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập | **Cao Văn Việt** |  | NHTM/hội nhập |  |
| 19 | Cải cách nông nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế | **Bùi Văn Vũ** | **LV(CH) 929** | Cải cách nông nghiệp/VN/HNKTQT |  |

1. **KHÓA V (2018 - 2020)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề tài luận văn** | **Tác giả** | **Mã thư viện** | **Tra cứu mở rộng** | **Ghi chú** |
| 1 | Đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc tại Việt Nam trong ngành công nghiệp điện tử giai đoạn 2014 – 2019: Thực trạng và triển vọng | **Nguyễn Hoàng Quý Linh** |  | FDI Hàn Quốc/ công nghiệp điện tử |  |
| 2 | Tác động của vốn FDI tới phát triển kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020 | **Nguyễn Ngân Anh** |  | ODA/Kinh tế Việt Nam |  |
| 3 | ODA Trung Quốc cho châu Phi từ năm 2000 đến năm 2018 | **Nguyễn Thị Tuyết Nhung** |  | ODA/ châu Phi |  |
| 4 | Rủi ro kinh tế với Anh và EU sau Brexit | **Trần Anh Tùng** |  | Rủi ro kinh tế/ Brexit |  |
| 5 | Tăng cường hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc trên lĩnh vực xuất nhập khẩu | **Nguyễn Ngọc Anh** |  | Hợp tác kinh tế/ xuất nhập khẩu |  |
| 6 | Ngoại giao kinh tế của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế | **Phạm Văn Hiếu** |  | Ngoại giao kinh tế/ hội nhập kinh tế quốc tế |  |
| 7 | Giải pháp tăng cường vai trò của hoạt động bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế | **Lê Văn Huấn** |  | Bảo hiểm tiền gửi/ hội nhập |  |
| 8 | Tác động của Sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc đến kinh tế các nước ASEAN | **Tạ Phương Anh** |  | Sáng kiến vành đai và con đường/ASEAN |  |
| 9 | Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và ảnh hưởng của nó tới Việt Nam | **Lương Đức Cương** |  | Cạnh tranh thương mại/Ảnh hưởng VN |  |
| 10 | Tăng cường quản lý hoạt động các Hiệp định thương mại tự do (FTA) của Việt Nam và tác động với nền kinh tế Việt Nam | **Đỗ Ngọc Quỳnh Anh** |  | FTA/Tác động kinh tế VN |  |
| 11 | Tác động của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đến kinh tế Việt Nam | **Tòng Thùy Vân** |  | CPTPP/Kinh tế VN |  |
| 12 | Cải cách WTO và những tác động đến quan hệ kinh tế quốc tế của Việt Nam | **Nguyễn Trung Kiên** |  | WTO/ Việt Nam |  |
| 13 | Tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tới ngành dệt may Việt Nam | **Trịnh Thị Diệu** |  | Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung/ dệt may Việt Nam |  |

1. **KHÓA VI (2019-2021)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đề tài luận văn** | **Tác giả** | **Mã thư viện** | **Tra cứu mở rộng** | **Ghi chú** |
|  | Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong bối cảnh thực hiện các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới | **Nguyễn Thị Doan** |  | Cơ hội và thách thức/ xuất khẩu thủy sản Việt Nam/ bối cảnh EVFTA |  |
|  | Chính sách tiền tệ của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế | **Nguyễn Thị Thùy Dung** |  |  |  |
|  | Mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản của Việt Nam từ năm 2017 đến nay | **Đặng Anh Đào** |  | Xuất khẩu nông sản - Việt Nam |  |
|  | Xung đột thương mại giữa Hàn Quốc và Nhật Bản từ năm 2019 đến nay | **Nguyễn Chu Thu Hằng** |  | Xung đột thương mại/ Hàn Quốc - Nhật Bản |  |
|  | Tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đến thương mại của Việt Nam | **Phạm Thanh Huế** |  | Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung/ Việt Nam |  |
|  | Vai trò của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong hội nhập và phát triển kinh tế của Việt Nam | **Nguyễn Sỹ Hùng** |  |  |  |
|  |  | **Vũ Thị Thanh Hương** |  |  |  |
|  | Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Trung Quốc vào Việt Nam: Cơ hội và thách thức | **Tống Khánh Linh** |  | FDI Trung Quốc vào Việt Nam/ Cơ hội và thách thức |  |
|  | Tác động của Brexit đến quan hệ thương mại Việt - Anh | **Phan Ngọc Mai** |  | Brexit/ quan hệ thương mại Việt - Anh |  |
|  | Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung trong lĩnh vực kinh tế giai đoạn 2008 - 2020 | **Nguyễn Đức Phúc** |  | Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung/ kinh tế 2008 - 2020 |  |
|  |  | **Trần Anh Quân** |  |  |  |
|  | Cơ hội và thách thức trong xuất khẩu nông sản Việt Nam sang EU trong bối cảnh thực hiện EVFTA | **Bùi Nam Sơn** |  |  |  |
|  | Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào thành phố Hà Nội giai đoạn 2011 - 2021 | **Phạm Ngọc Sơn** |  | FDI/ Hà Nội (2011 – 2021) |  |
|  | Phát triển kinh tế Việt Nam trong cách mạng công nghiệp 4.0: Cơ hội và thách thức | **Nguyễn Thị Hương Thảo** |  | Kinh tế Việt Nam/ cách mạng công nghiệp 4.0 |  |
|  | Kinh tế Mỹ dưới thời Tổng thống Donald trump giai đoạn 2016 - 2020 | **Lê Xuân Thuận** |  | Kinh tế Mỹ/ Donald trump |  |
|  |  | **Nguyễn Thế Trung** |  |  |  |
|  | Chiến lược phát triển thị trường bán lẻ của Ngân hàng Shinhan Hàn Quốc tại Việt Nam giai đoạn 2015 – 2018 | **Vũ Anh Tuấn** |  | Phát triển thị trường bán lẻ/ Shinhan bank/2015 – 2018 |  |
|  | Quan hệ thương mại Việt Nam – Hàn Quốc giai đoạn 2015 - 2019 | **Trần Thu Vân** |  | Quan hệ thương mại Việt Nam – Hàn Quốc/2015 - 2019 |  |
|  |  | **Đinh Trọng Vương** |  |  |  |